

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/01/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+TD1	7:25	2+19	0+0		0+22	0+0	
2		CL1+BK8+CLO	9:25	1+0+15	0+0+0		0+2+20	0+0+0	

TTĐBSX

1/ NẾU CHILINH CHƯA XUẤT DẦU XONG THÌ BÁO CHO ĐIỀU ĐỘ BAY VÀO 8H00



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK6 - TD1	CREW: Hôi - Linh - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG QUANG LOC	BK6	65	1	8		65	CO DIEN	Vietnamese
2	DANG TRONG DUNG	BK6	66	1	5	32	66	CO DIEN	Vietnamese
3	ĐỖ QUANG LỤC*TT	TD1	63	1	5	54	64	KHOAN	Vietnamese
4	HA MINH TUAN	TD1	91	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	95	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	97	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TUONG TU	TD1	85	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	LAI ĐỨC LAM	TD1	87	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN NGOC THAI	TD1	60	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN DUY TAN*TD-PVDT	TD1	86	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH HUU NGHIA	TD1	88	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
12	LE VIET THANH	TD1	99,5000	2	20		72	KHOAN	Vietnamese
13	LUONG TAN HAI*MC-PVD	TD1	92	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN PHI HUNG	TD1	96	1	14	10	89	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG TUAN NAM-PVDT	TD1	90	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
16	VAN DINH QUANG	TD1	61-62	2	13		66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TINH	TD1	500	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
18	THAI VIET DINH	TD1	93-94	2	17		67	KHOAN	Vietnamese
19	NIKITIN V.S	TD1	89	1	9		95	ANTOAN	Russian
20	VUONG DUC ANH	TD1	84	1	9		61	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	2	2	13	131	32	0		
2	TD1	18	21	137	1.266	64	22		
TOTAL		20	23	150	1.397	96	22		
WEIGHT KG				150	1.397	96			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	TO: CLI - BK8 - CLO	CREW: Hồi - Linh - N Nam	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG LAM	CLI	76	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	BRATCHIKOV	CLO	39-40	2	12	80	94	KHOAN	Russian
3	TU QUOC VIET	CLO	43	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN DUY	CLO	33	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VINH	CLO	36	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	LAM XUAN TU	CLO	42	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẠNG DUY LY	CLO	31	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN PHON	CLO	37	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN SANG	CLO	32	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN SY LONG	CLO	41	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN TUAN	CLO	34	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LUC-PVDT	CLO	30	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
13	VUONG QUOC VUNG*TD-PVDT	CLO	49-50	2	11		50	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU TRUNG	CLO	35	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
15	SUSTAVOV V.S	CLO	38	1	10		110	D-HANH	Russian
16	TRAN DAI HUNG	CLO	44	1	11		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	1	1	8	70	0	0		
2	BK8	0	0	0	0	30	2		
3	CLO	15	17	100	1.075	80	19		
TOTAL		16	18	108	1.145	110	21		
WEIGHT KG				108	1.145	110			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+BK10+TD2	7:25	0+0+12	0+0+0		4+1+17	0+0+0	CHUYẾN 6 P3- BK10
2		TD2+IS2+CLO+BK16	9:25	8+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYẾN 4 TD2 CLO

TTBDSX

PPD

Công việc

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P3 - BK10 - TD2	CREW: HỒI - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANDRIUSHENKO O.A	TD2	70	1	8		127	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN PHONG*TT	TD2				30	64	KHOAN	Vietnamese
3	KARPUNIN A.V	TD2	82	1	8	25	97	KHOAN	Russian
4	ĐO NGOC QUANG	TD2	71	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN XUÂN	TD2	76	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	75	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	73-74	2	15		77	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN NAM THANG-PVD	TD2	83	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	72	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	77	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MANH HOAN	TD2	78	1	8		58	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HÙNG CUÔNG	TD2	79	1	2		100	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

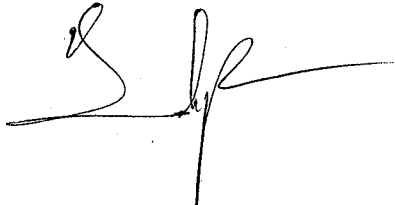
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	0	0	0	0	5	3		CHUYEN 6 PAX TU P3 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	112	1		
3	TD2	12	12	78	949	55	18		
TOTAL		12	12	78	949	172	22		
WEIGHT KG				78	949	172			

GRAND TOTAL: 1.199 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: TD2 - JS2 - CLO - BK16	CREW: Hồi - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:40
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG LINH*CAM-PVDT	TD2	85	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
2	DUONG HAI BANG	TD2	96	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
3	YANCHENKO	TD2	93	1	15	40	78	ANTOAN	Russian
4	VÕ HỮU TÂN	TD2	86	1	6		75	DVL	Vietnamese
5	ĐÌNH ANH DŨNG	TD2	87	1	4		80	GETRACO	Vietnamese
6	DUONG VAN PHI	TD2	90	1	4		57	GETRACO	Vietnamese
7	PHAM NGUYEN THANH KHOA	TD2	91-92	2	18		80	BAKER HU	Vietnamese
8	NGUYEN HONG SON	TD2	88-89	2	17		74	BAKER HU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

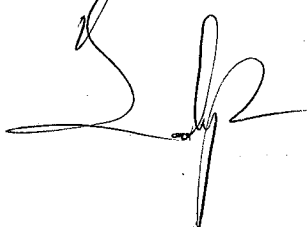
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	10	76	598	40	17	4	CHUYEN 4 PAX TU TD2 SANG CLO
2	JS2	0	0	0	0	0	1		
3	CLO	0	0	0	0	0	0		
4	BK16	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		8	10	76	598	80	22		
WEIGHT KG				76	598	80			

GRAND TOAL: 754 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: CAP CI	TO: P2	CREW: HUNG - Phong - NNam	ETA: 13:00

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NGOC BA	P2	94	1	15		76	YTE	Vietnamese
2	TO DINH TU	P2					66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	2	1	15	142	0	18		
TOTAL		2	1	15	142	0	18		
WEIGHT KG				15	142	0			

GRAND TOAL: 157 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/01/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+PPD	7:25	11+8	0+0		11+11	0+0	
2		TD3+RP3	7:25	16+3	0+0		19+3	0+0	
3		P4+PPD	7:25	15+6	0+0		14+8	0+0	
4		PPD+P10	9:25	7+0	0+0		18+4	0+0	
5		TTC3-JS2+RP3	9:25	0+10	0+0		2+20	0+0	CHUYỂN 1 TTC3-RP3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ĐI VỀ TRONG NGÀY RP3-2 NG



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - PPD	CREW: Phong - MTuấn - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VĂN CHIÊN	TD5	12-13	2	15	45	70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VIÊN*TT	TD5	08	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
3	TU DƯƠNG DUNG	TD5	06	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
4	CAO ĐỨC HAI	TD5	09	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN CAO HOANG	TD5	04-05	2	7		77	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HAI	TD5	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN THUY	TD5	11	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	01	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	07	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	03	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHÁT-PVDT	TD5	02	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM TAI	PPD	14-15	2	11		73	KHI	Vietnamese
13	KHARITONOV IOC	PPD	11-12	2	15		77	KHI	Russian
14	BERNHIKOV V.N	PPD	91	1	6	50	110	KHI	Russian
15	HOANG MINH HIU	PPD	13	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	ĐO MINH QUÂN	PPD	92	1	5		94	KHI	Vietnamese
17	VŨ THANH BÌNH	PPD	93	1	6		80	KHI	Vietnamese
18	DOAN VIET DIỆP	PPD	94-95	2	7		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	96	1	5		73	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	11	13	77	813	45	11		
2	PPD	8	11	59	637	50	11		
TOTAL		19	24	136	1.450	95	22		
WEIGHT KG				136	1.450	95			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - RP3	CREW: HUNG - Linh - THU	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TUÂN *TT	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN MINH	TD3	47	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG AN	TD3	26	1	4	100	64	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC TUÂN	TD3	38	1	4	10	59	KHOAN	Vietnamese
5	QUÁCH VĂN CÚ	TD3	24	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	34	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU NHAN	TD3	31	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM MINH TRỌNG-PVDT	TD3	33	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC NGU*MC-PVD	TD3	36	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3	29	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	25	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC DUNG	TD3	27	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VĂN NGHIA	TD3	28	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD3	35	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	32	1	8		62	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN DU	TD3	30	1	3	25	59	DVL	Vietnamese
17	LÊ VIỆT DUNG	RP3					59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN THĂNG	RP3	03-04	2	7		69	KH-THAC	Vietnamese
19	VALEEV IREK D.	RP3	02	1	4		80	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	16	15	84	1,091	135	19		
2	RP3	3	3	11	208	0	3		
TOTAL		19	18	95	1,299	135	22		
WEIGHT KG				95	1,299	135			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

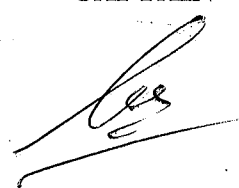
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - PPD	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HỒNG TÂM	P4	75-76	2	12		60	KHI	Vietnamese
2	KOLECHIK A.IO	P4	66	1	8		104	KHI	Russian
3	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	62	1	5		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	67	1	6		72	KHI	Vietnamese
5	TÀ XUÂN HIỆU	P4	72	1	5		65	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	68	1	4		78	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	73	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	63	1	5		78	KHI	Vietnamese
9	PHẠM TRẠI	P4	69	1	4		70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM MỘNG THANH	P4	65	1	6		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	71	1	3		70	KHI	Vietnamese
12	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	64	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4	70	1	3		75	KHI	Vietnamese
14	R-VAITHISWARAN	P4	77	1	6	25	77	KHI	Indian
15	NGUYỄN HỮU THANH	P4	74	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HAI QUANG	PPD	02	1	5		73	KHI	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC HOANG	PPD	05	1	5	30	65	KHI	Vietnamese
18	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	04	1	6		86	KHI	Vietnamese
19	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	03	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN THANH	PPD	08	1	8	20	80	KHI	Vietnamese
21	BUI THANH	PPD	01	1	3		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	16	80	1.092	25	14		
2	PPD	6	6	32	437	50	8		
TOTAL		21	22	112	1.529	75	22		
WEIGHT KG				112	1.529	75			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: PPD - P10	CREW: Phong - MTuấn - Vũ	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NAM	PPD	80	1	4		68	KHI	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THANH	PPD	83	1	6		55	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	77	1	5		68	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TÀI	PPD	82	1	6	10	74	KHI	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	PPD	84-85	2	10		68	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC CHÂN	PPD	81	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TÀ QUANG PHỤC	PPD	79	1	3		105	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	8	38	508	10	16		
2	P10	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		7	8	38	508	10	20		
WEIGHT KG				38	508	10			

GRAND TOAL: 556 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: TTC3 - JS2 - RP3	CREW: HUNG - Linh - THU	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN ANH TUAN	JS2	62	1	9		75	DVL	Vietnamese
2	TRUONG QUOC THANG	JS2	95	1	15		80	DVL	Vietnamese
3	DO NGOC DUYEN	JS2	93	1	11		72	DVL	Vietnamese
4	LE HOAI THIEN	JS2	94	1	14		74	DVL	Vietnamese
5	BUI VAN HUNG	RP3	09	1	7		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN SANG	RP3	13	1	5	10	55	KHI	Vietnamese
7	HO VAN LUONG	RP3	05	1	3		63	KHI	Vietnamese
8	TRAN VAN SEN	RP3	10-11	2	10	40	75	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	07	1	10		75	KHI	Vietnamese
10	DANG HUY KHANH	RP3					80	KHI	Vietnamese
11	PHAM HONG LINH	RP3	12	1	4		72	KHI	Vietnamese
12	TRAN VUONG HUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
13	PHAM TRUNG DUNG	RP3	08	1	5		80	KHI	Vietnamese
14	PHAM VAN TAI	RP3	06	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	0	0	0	0	10	2	1	CHUYEN 1 PAX TTC3 SANG RP3
2	JS2	4	4	49	301	0	0		
3	RP3	10	9	49	720	50	20		
TOTAL		14	13	98	1.021	60	22		
WEIGHT KG				98	1.021	60			

GRAND TOAL: 1.179 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN